

AI DRAFT · Điểm nhấn chính

Macro Brief – Kinh tế Việt Nam tháng 7/2026

Báo cáo này là bản tóm tắt Cập nhật vĩ mô tháng ở dạng ngắn gọn hơn và trực quan hóa quanh bốn chủ đề chính – sản xuất và tiêu dùng, lạm phát, thương mại và đầu tư, cùng thị trường tiền tệ. Mỗi phần đều được mở đầu bằng những con số đáng chú ý, tiếp đến là các biểu đồ đứng sau, và khép lại bằng một đoạn diễn giải ngắn.

01

Sản xuất · Tiêu dùng

02

Lạm phát

03

Thương mại · Đầu tư

04

Tiền tệ · Tỷ giá

Miễn trừ trách nhiệm · Phần này của báo cáo ("Key Takeaways · Visualized") là bản tái cấu trúc và trực quan hóa do Claude AI thực hiện từ báo cáo kinh tế vĩ mô gốc do Trung tâm Nghiên cứu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Shinhan Việt Nam biên soạn (nguồn có thẩm quyền). Nội dung chỉ truyền tải các số liệu và sự kiện đã nêu trong bản gốc, không chứa khuyến nghị đầu tư, giá mục tiêu, và không được dùng làm cơ sở cho bất kỳ quyết định đầu tư nào.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng tốc lên 14.5% YoY trong tháng 7, đưa tốc độ tăng lũy kế 7 tháng lên 11.4% - mạnh nhất trong nhiều năm. PMI, doanh thu bán lẻ và lượng khách quốc tế đều ghi nhận đà tăng tích cực.

14.5%

Sản xuất công nghiệp, YoY

Lũy kế 7T2026 11.4%; chế biến, chế tạo dẫn đầu ở 15.0%

52.9

PMI, tháng 7

Tăng từ 51.8 của tháng 6; tháng thứ 13 liên tiếp ở mức trên 50

14.5%

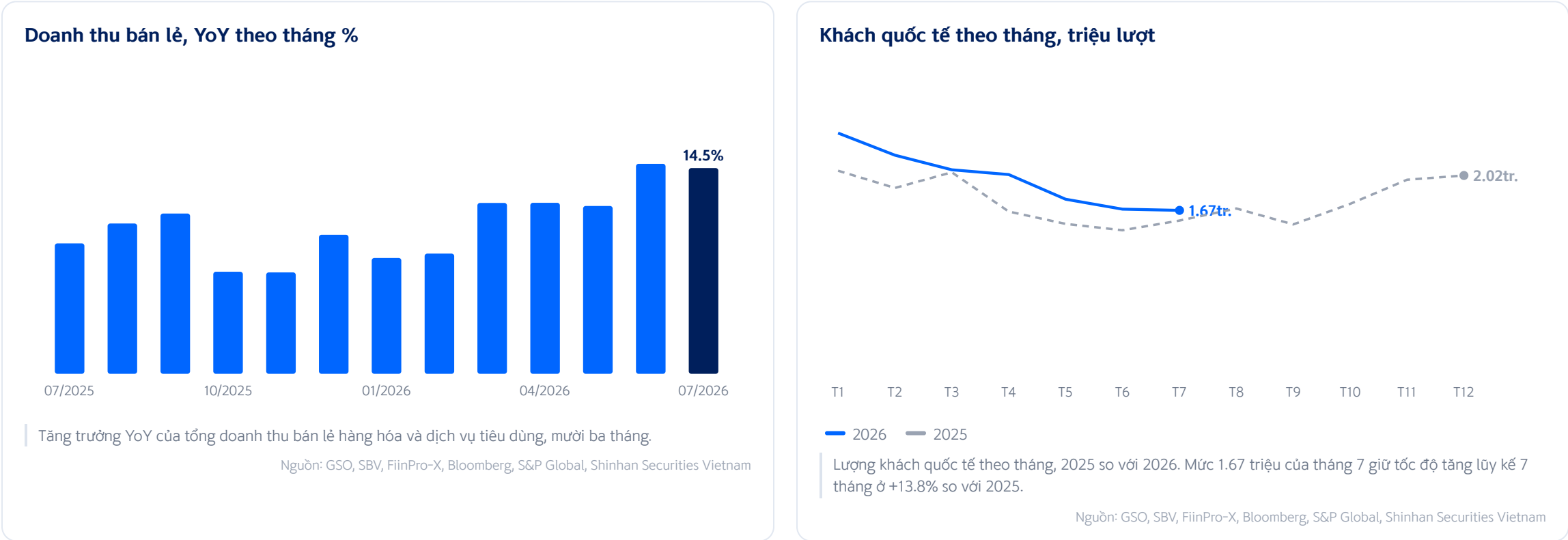
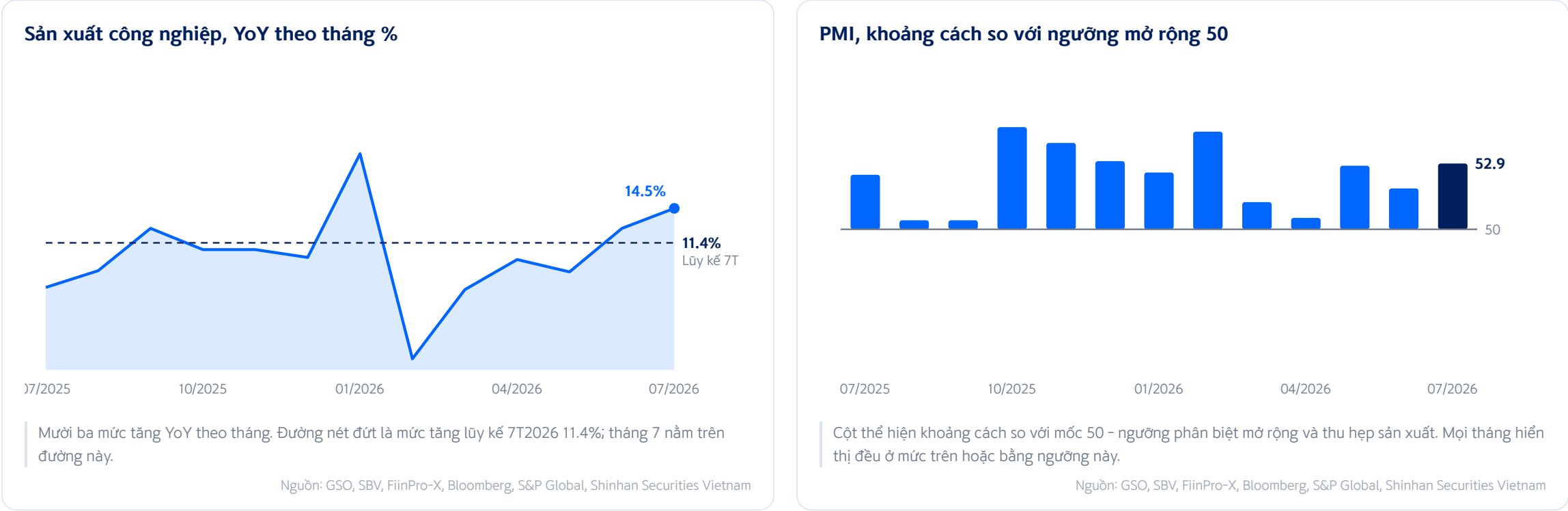
Doanh thu bán lẻ, YoY

0.9% MoM; giảm nhẹ so với 14.8% của tháng 6

1.67 triệu

Khách quốc tế, tháng 7

Tổng 7T2026 đạt 13.92 triệu, tăng +13.8% YoY



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Sản xuất công nghiệp (YoY)		14.47%	+1.60pp	+7.07pp
PMI		52.9	+1.1	+0.5
Doanh thu bán lẻ (YoY)		14.48%	-0.32pp	+5.28pp
Khách quốc tế theo tháng (triệu)		1.67	-0.01	+0.10

Điều này cho thấy Sản lượng công nghiệp tháng 7 tăng 14.5% YoY (1.2% MoM), tăng tốc từ 12.7% của tháng 6, đưa tốc độ tăng lũy kế 7 tháng lên 11.4% - mức tăng 7 tháng đầu năm mạnh nhất trong nhiều năm. Cả bốn phân ngành đều tăng nhanh hơn cùng kỳ năm trước, dẫn đầu là chế biến, chế tạo ở 15.0%. PMI, chỉ số khảo sát các nhà quản trị mua hàng nằm trên 50 mang hàm ý sản xuất đang mở rộng, tăng lên 52.9 từ 51.8 và đã duy trì trên 50 suốt 13 tháng liên tiếp, trong khi các doanh nghiệp tuyển thêm lao động lần đầu tiên trong 5 tháng. Tiêu dùng vẫn giữ vững cùng với sản xuất: doanh thu bán lẻ tăng 14.5% YoY, giảm nhẹ so với 14.8% của tháng 6, còn lượng khách quốc tế đạt 1.67mn trong tháng 7 đã đưa tổng lượt khách 7 tháng lên 13.92mn, tăng +13.8% so với năm trước.

CPI toàn phần hạ nhiệt xuống 4.45% YoY trong tháng 7 từ 4.69%, trong khi lạm phát cơ bản chỉ giảm nhẹ – lần đầu tiên trong năm lạm phát cơ bản vượt lên trên CPI toàn phần.

-0.12%

CPI toàn phần, MoM

YoY 4.45%, giảm từ 4.69% của tháng 6 và mức đỉnh 5.60% của năm 2026 trong tháng 5

4.63%

CPI cơ bản, YoY

Cao hơn CPI toàn phần 0.18pp – lần đảo chiều đầu tiên trong năm 2026

0.35pp

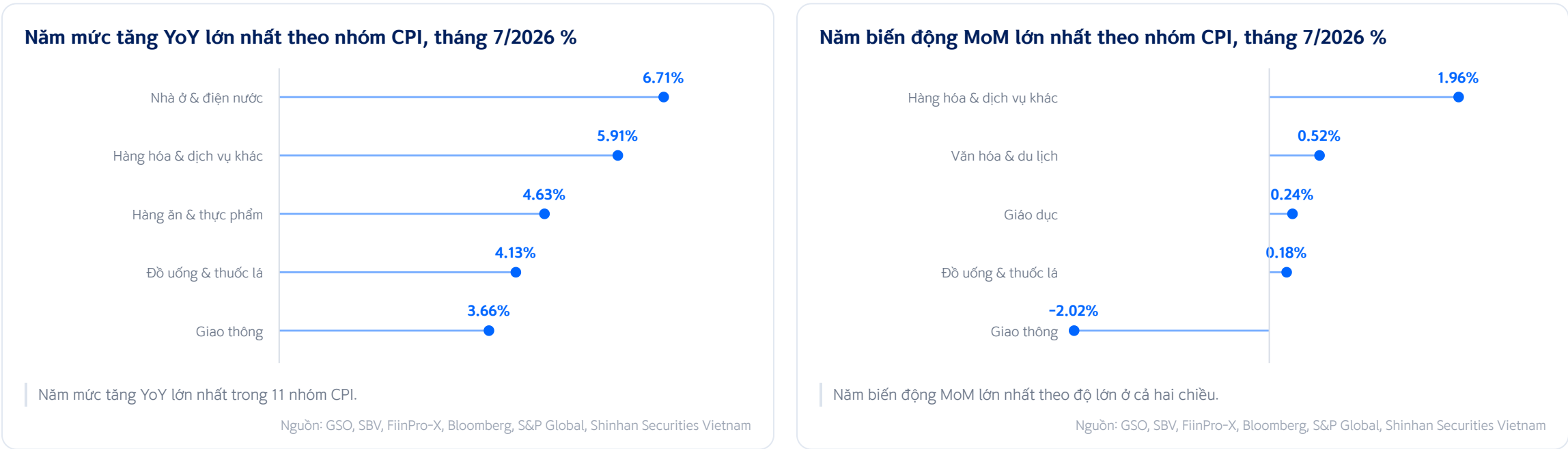
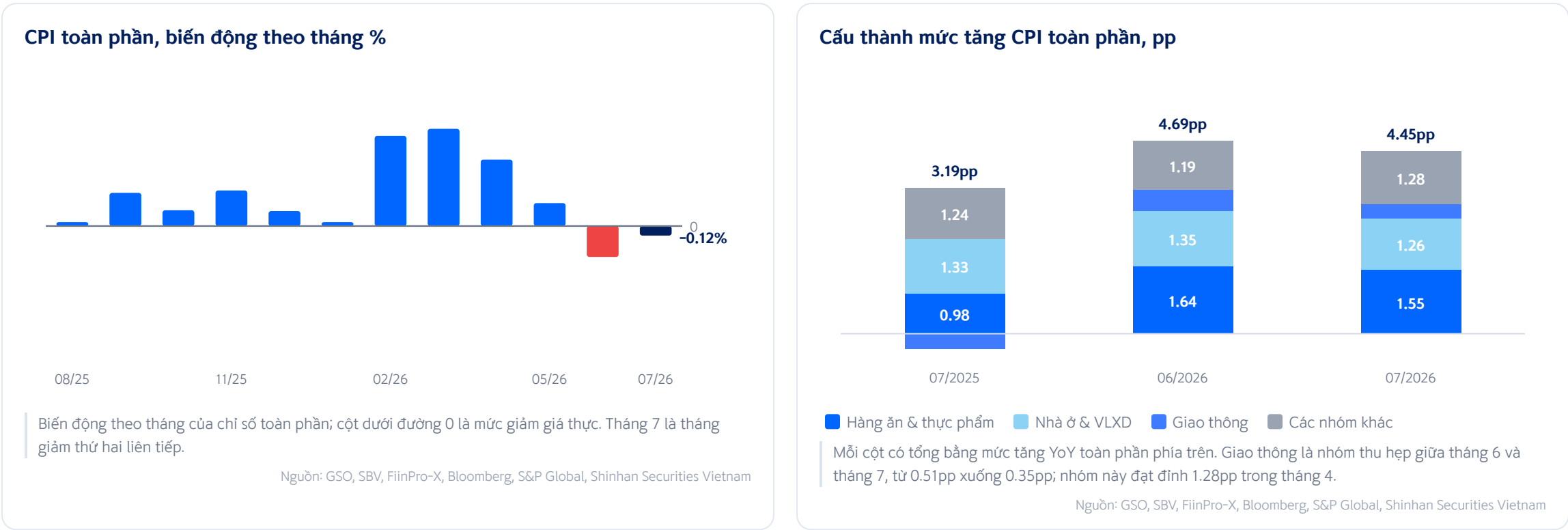
Đóng góp giao thông, pp

Giảm từ 0.51pp của tháng 6 và mức đỉnh 1.28pp của tháng 4

4.39%

CPI, bình quân 7T2026

Lạm phát cơ bản bình quân 4.19% cùng kỳ



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
CPI toàn phần (MoM)		-0.12%	+0.27pp	-0.23pp
CPI toàn phần (YoY)		4.45%	-0.24pp	+1.26pp

Điều này cho thấy CPI toàn phần hạ nhiệt xuống 4.45% YoY trong tháng 7 từ 4.69% của tháng 6 và mức đỉnh 5.60% của năm 2026 trong tháng 5, trong khi lạm phát cơ bản chỉ giảm nhẹ xuống 4.63% từ 4.69% – khiến lạm phát cơ bản hiện cao hơn CPI toàn phần 0.18pp, lần đảo chiều đầu tiên trong năm nay. Trong 7T2026, CPI bình quân tăng 4.39% so với lạm phát cơ bản 4.19%. Đà giảm tốc chủ yếu đến từ nhóm giao thông, khi mức đóng góp của nhóm này vào CPI toàn phần giảm xuống 0.35pp từ 0.51pp và mức đỉnh 1.28pp của tháng 4 khi giá dầu thế giới hạ nhiệt; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng đóng góp ít hơn (1.55pp so với 1.64pp). Theo tháng, CPI giảm -0.12%, tháng giảm thứ hai liên tiếp, khi giá xăng (-4.35%) và giá gas (-11.41%) bù trừ cho mức tăng 7.90% của mức đóng bảo hiểm y tế bắt buộc – yếu tố khiến nhóm "hàng hóa và dịch vụ khác" tăng 1.96% MoM.

Lưu ý Mức giảm theo tháng này che khuất một biến động mạnh diễn ra ngay trong tháng: giá dầu WTI tăng 23.95% trong tháng 7, từ USD 69.98/bbl lên USD 86.79/bbl mỗi thùng, sau khi Iran tái tấn công các tàu tại Eo biển Hormuz từ ngày 7/7. Giá xăng E10 RON95 trong nước chỉ mới tăng từ ngày 16/7 và chỉ tăng 7.78% trong cả tháng, nhờ việc áp dụng chu kỳ điều chỉnh giá theo tuần và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Thâm hụt thương mại tháng 7 nở rộng lên -3.59 tỷ USD khi nhập khẩu tiếp tục tăng nhanh hơn xuất khẩu. Cả hai dòng vốn đầu tư đều tăng mạnh so với năm trước.

-3.59 tỷ USD

Cán cân thương mại, tháng 7

Xuất khẩu USD 53.08bn (+25.0% YoY), nhập khẩu USD 56.67bn (+41.4%)

-20.52 tỷ USD

Cán cân thương mại, 7T2026

So với mức xuất siêu USD 10.35bn của 7T2025

38.06 tỷ USD

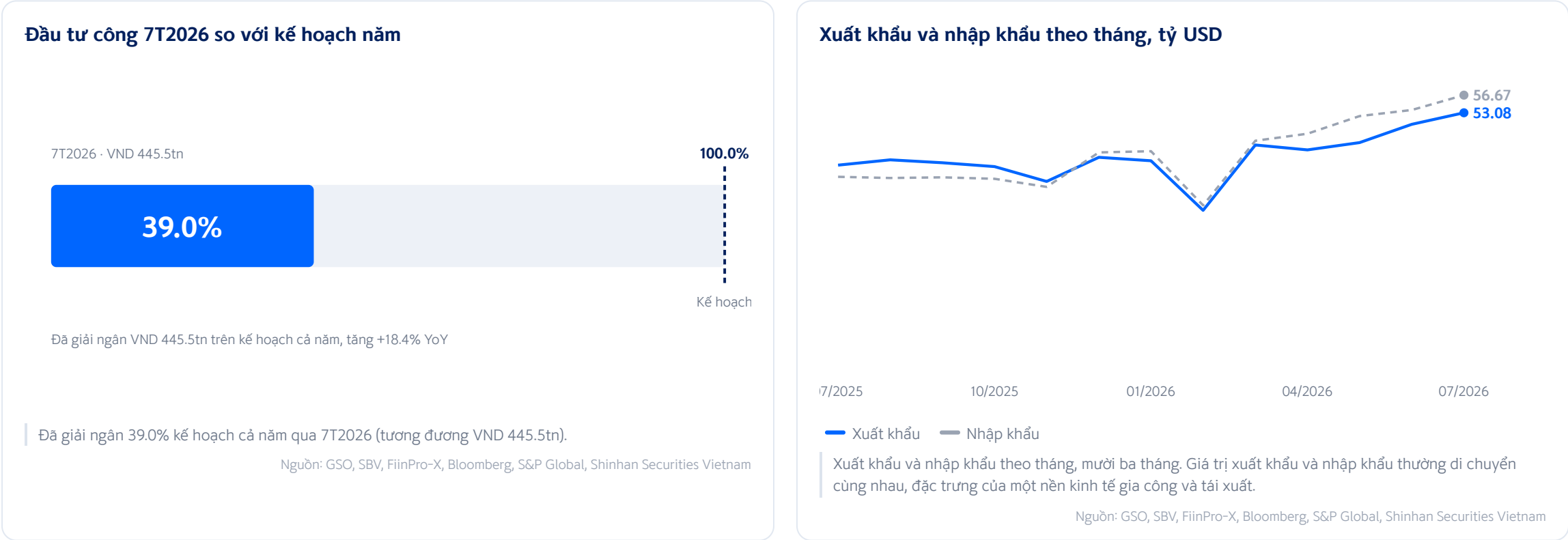
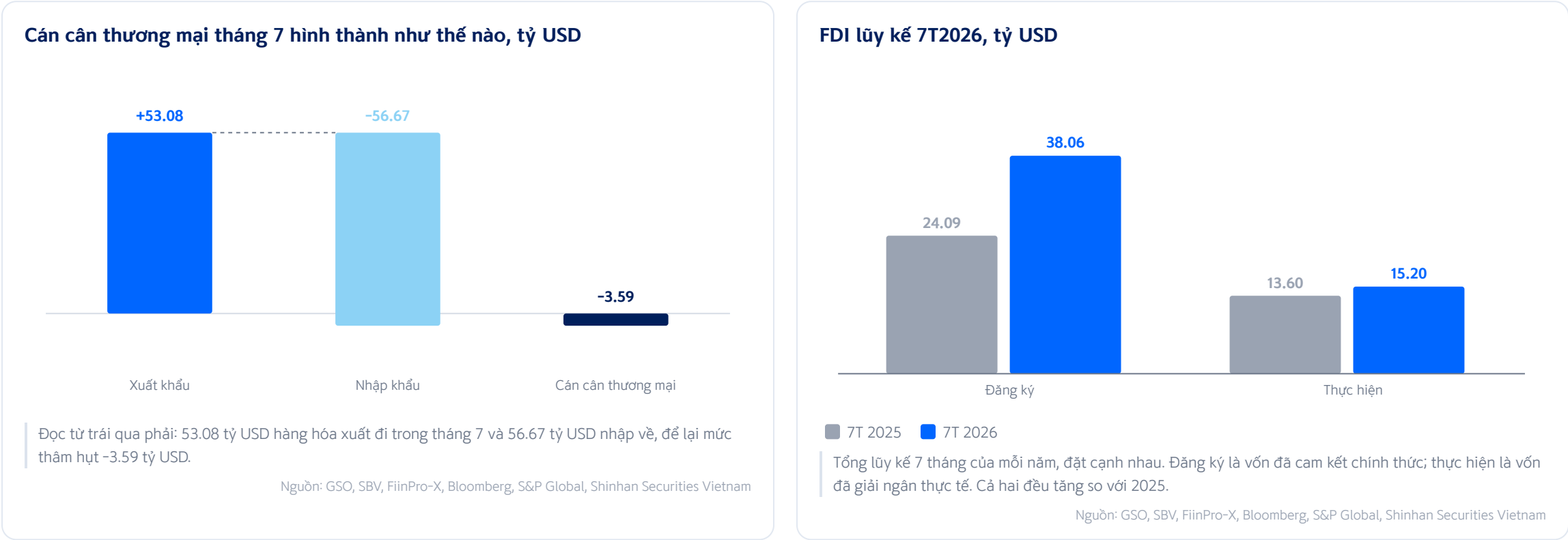
FDI (đăng ký/điều chỉnh/M&A), 7T2026

Tăng +58.0% YoY; vốn thực hiện 15.20 tỷ USD, cao nhất cho 7 tháng trong 5 năm

445.5 ngh.tỷ VND

Đầu tư công, 7T2026

Tăng +18.4% YoY; đạt 39.0% kế hoạch năm



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Xuất khẩu (tỷ USD)		53.08	+2.36	+10.68
Nhập khẩu (tỷ USD)		56.67	+3.02	+16.63
Cán cân thương mại (tỷ USD)		-3.59	-0.66	-5.95
Đầu tư công (nghìn tỷ VND)		98.6	+13.4	+21.0

Điều này cho thấy Nhập khẩu (56.67 tỷ USD, tăng +41.4% YoY) vượt xuất khẩu (53.08 tỷ USD, tăng +25.0%) -3.59 tỷ USD trong tháng 7, nối tiếp chuỗi thâm hụt thương mại hàng tháng và đưa cán cân lũy kế 7T2026 về mức -USD 20.52bn - đảo chiều mạnh so với mức xuất siêu USD 10.35bn của 7T2025 - khi tốc độ tăng nhập khẩu (+34.8% YoY) vượt xa tốc độ tăng xuất khẩu (+21.7%) suốt cả năm. Đầu tư là điểm sáng đối lập: giải ngân đầu tư công đạt 98.59 nghìn tỷ VND trong tháng 7 (+25.9% YoY), đưa lũy kế 7T2026 lên 445.5 nghìn tỷ VND (đạt 39.0% kế hoạch năm, +18.4% YoY), trong khi tổng vốn FDI đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn/mua cổ phần đạt 38.06 tỷ USD trong 7T2026 (+58.0% YoY), và vốn FDI thực hiện đạt 15.20 tỷ USD - mức cao nhất cho 7 tháng đầu năm trong 5 năm qua.

VND về cơ bản không đổi so với USD tính từ đầu năm, trong khi lãi suất ngắn hạn biến động mạnh trong tháng. Tín dụng vẫn tăng nhanh hơn huy động theo số liệu mới nhất.

+0.01%

VND/USD, lũy kế 2026

CNY +3.36%, THB -5.99%, PHP -4.12% cùng kỳ

5.72%

Lãi suất qua đêm, cuối tháng

Biến động từ 5.95% xuống mức thấp 0.75% trong tháng

7.73%

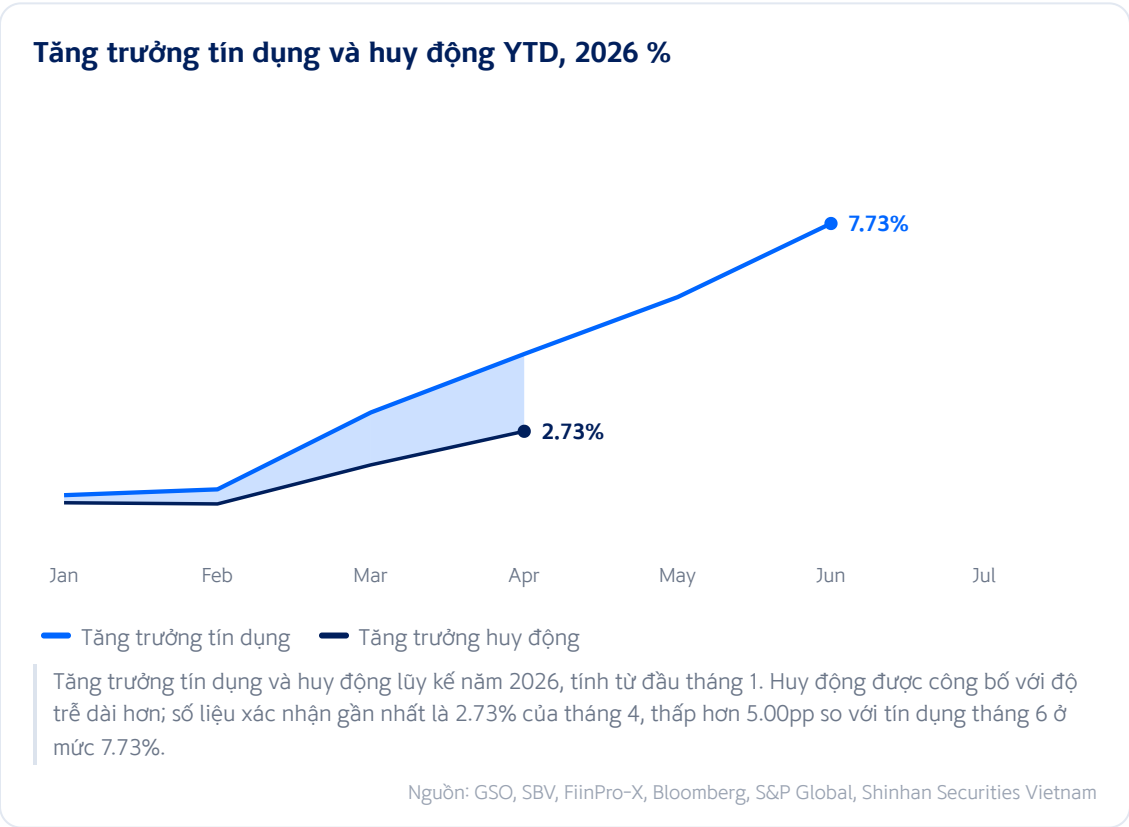
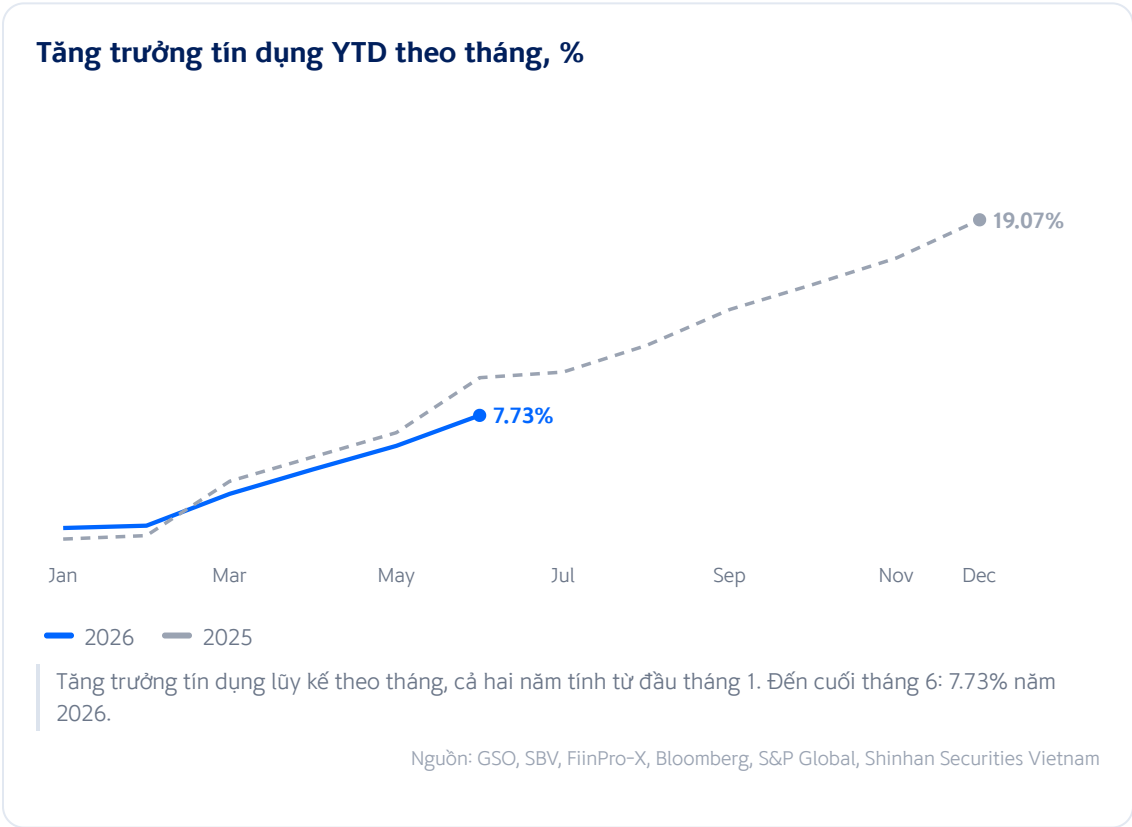
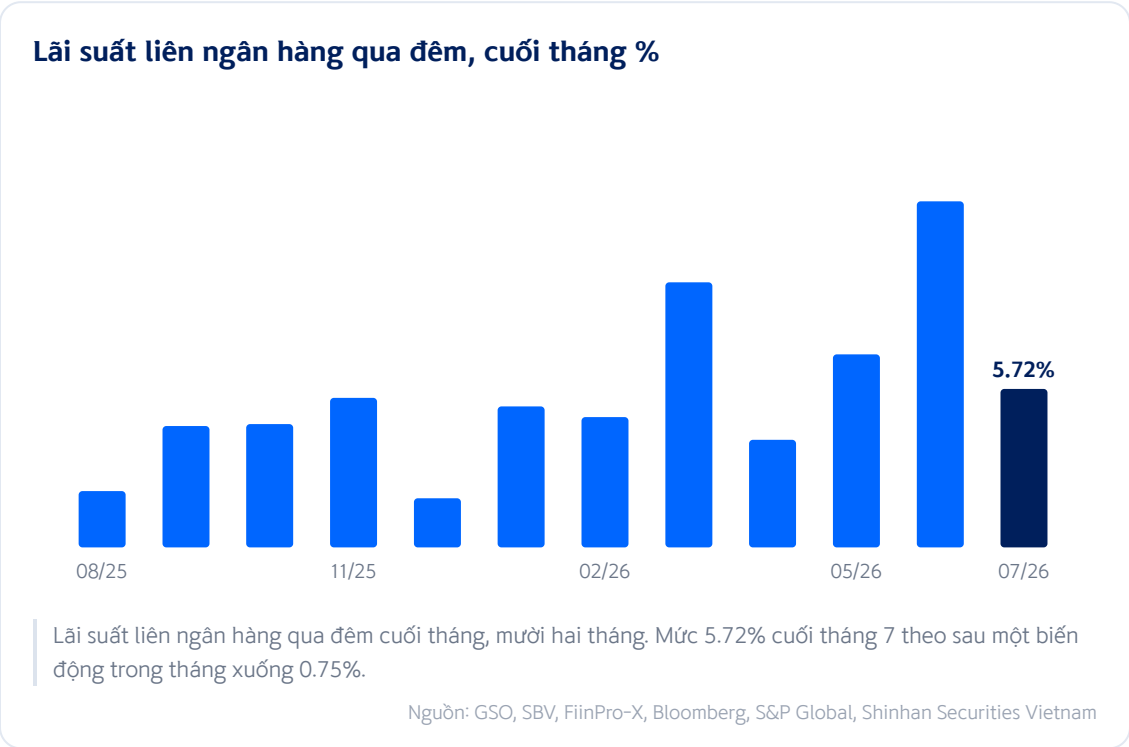
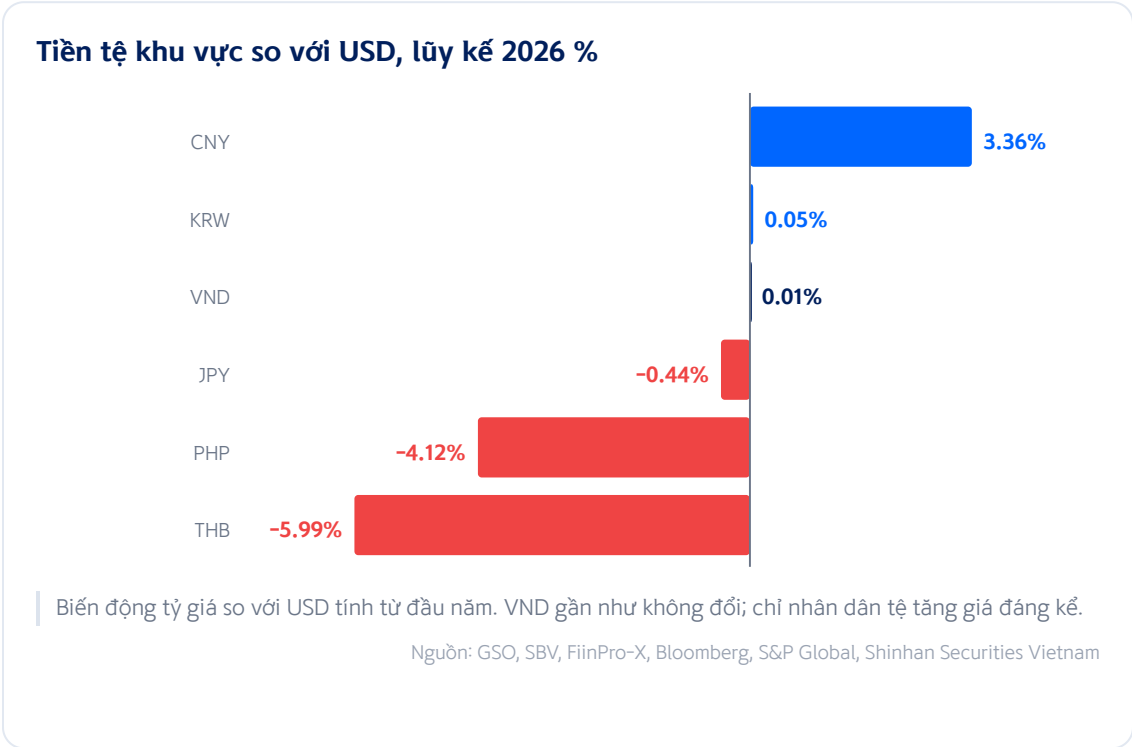
Tăng trưởng tín dụng, YTD (mới nhất: tháng 6)

Tháng 7 chưa công bố; tăng từ 5.96% của tháng 5

2.73%

Tăng trưởng huy động, YTD (mới nhất: tháng 4)

Thấp hơn 5.00pp so với tín dụng tháng 6; cùng kỳ 2025 đạt 4.50%



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm		5.72%	-6.77pp	+2.37pp
Tăng trưởng huy động (YTD)		n.a	n.a	n.a
Lãi suất cho vay bình quân		9.30%	+0.25pp	+1.65pp
Tỷ giá VND/USD		26,250	-470	-130

Điều này cho thấy Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do tăng 1.76% trong tháng 7, đóng cửa ở mức VND 26,250, khiến VND về cơ bản không đổi tính từ đầu năm 2026 (+0.01%) - một trong những đồng tiền ổn định nhất trong nhóm so sánh khu vực cùng với CNY (+3.36%), vượt xa THB (-5.99%) và PHP (-4.12%). Ngân hàng Nhà nước hút ròng thanh khoản trong suốt tháng 7, lãi suất liên ngân hàng qua đêm biến động từ 5.95% xuống mức thấp 0.75% trước khi bật tăng trở lại 5.72% vào cuối tháng. Tăng trưởng tín dụng tháng 7 chưa được SBV công bố; số liệu xác nhận gần nhất là 7.73% YTD tính đến cuối tháng 6, tăng từ 5.96% của tháng 5. Tăng trưởng huy động được công bố với độ trễ dài hơn và vẫn chưa xác nhận từ mức 2.73% YTD của tháng 4 - thấp hơn mức 4.50% cùng kỳ tháng 4/2025 - khiến tín dụng tiếp tục tăng nhanh hơn huy động theo số liệu mới nhất. Lãi suất huy động bình quân tại các SOCB giữ nguyên ở mức 5.90% tháng thứ năm liên tiếp.

Cần theo dõi Lãi suất kỳ hạn dài tiếp tục tăng: lãi suất huy động trung bình kỳ hạn 6-12 tháng đạt 6.85% trong tháng 6 từ 6.65%, lãi suất cho vay theo đó tăng lên 9.30% từ 9.05%.

SHINHAN SECURITIES VIETNAM

Miễn trừ trách nhiệm · Phần này của báo cáo ("Key Takeaways · Visualized") là bản tái cấu trúc và trực quan hóa do Claude AI thực hiện từ báo cáo kinh tế vĩ mô gốc do Trung tâm Nghiên cứu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Shinhan Việt Nam biên soạn (nguồn có thẩm quyền). Nội dung chỉ truyền tải các số liệu và sự kiện đã nêu trong bản gốc, không chứa khuyến nghị đầu tư, giá mục tiêu, và không được dùng làm cơ sở cho bất kỳ quyết định đầu tư nào.

Thuật ngữ dùng trong phần này

YoY	So với cùng kỳ năm trước
MoM	So với tháng trước
YTD	Lũy kế từ đầu năm đến nay
pp	Điểm phần trăm - chênh lệch số học giữa hai tỷ lệ phần trăm
PMI	Chỉ số nhà quản trị mua hàng - khảo sát hàng tháng; trên 50 hàm ý mở rộng sản xuất
IIP	Chỉ số sản xuất công nghiệp - sản lượng chế biến, khai khoáng và sản xuất, phân phối điện, nước
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng. CPI cơ bản loại trừ nhóm năng lượng và lương thực - thực phẩm biến động mạnh
Đóng góp	Phần một thành phần chiếm trong mức tăng toàn phần, tính bằng điểm phần trăm
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đăng ký = vốn đã cam kết chính thức; thực hiện = vốn đã giải ngân
SOCB	Ngân hàng thương mại nhà nước
OMO	Nghiệp vụ thị trường mở - hoạt động mua/bán của ngân hàng trung ương nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống
tỷ / nghìn tỷ	Tỷ (billion) / nghìn tỷ (trillion)

Nguồn · GSO, SBV, FiinPro-X, Bloomberg, S&P Global, Shinhan Securities Vietnam
Báo cáo gốc do Công ty Cổ phần Chứng khoán Shinhan Việt Nam · Trung tâm Nghiên cứu · Nguyễn Thị Yến Nhi biên soạn

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, không phải khuyến nghị đầu tư. Quyết định đầu tư cuối cùng và trách nhiệm liên quan thuộc về nhà đầu tư.
© 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán Shinhan Việt Nam. Bảo lưu mọi quyền.